

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 73

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty") là doanh nghiệp nhà nước, tiền thân là Tổng Công ty Xi măng Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 197/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ và được đổi tên thành Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 189/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 6 tháng 12 năm 2007.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đã được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên số 0100106320 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 7 năm 2011.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty là:

- ▶ sản xuất, kinh doanh xi măng, đá vôi, thạch cao, clinker và bao bì xi măng;
- ▶ khai thác nguyên liệu và phụ gia;
- ▶ đầu tư các dự án xây dựng;
- ▶ lập báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu kỹ thuật, thẩm tra dự án, giám sát thi công, thiết kế; và
- ▶ các hoạt động kinh doanh khác theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Quang Khải	Chủ tịch
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên
Ông Lê Nam Khánh	Thành viên
Ông Phạm Văn Nhận	Thành viên
Ông Cái Hồng Thu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Thắng	Tổng giám đốc
Bà Trần Thị Minh Anh	Phó Tổng giám đốc
Ông Đinh Quang Dũng	Phó Tổng giám đốc
Ông Cái Hồng Thu	Phó Tổng giám đốc
Ông Bùi Hồng Minh	Phó Tổng giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Việt Thắng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Tổng Giám đốc
Trần Việt Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

381
CỘ
7
NST
VIỆ
CHI
H
V KI

**EY**Building a better
working worldErnst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of VietnamTel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61140097/ 18517363 - HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 73, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

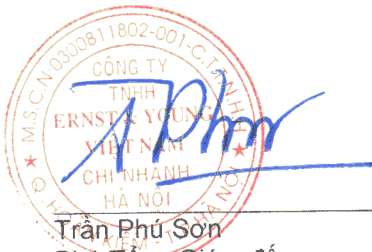
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như được trình bày tại Thuyết minh số 20 và Thuyết minh số 21, Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, một công ty con của Tổng Công ty đã không ghi nhận các khoản lãi phạt chậm trả đối với các khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam với tổng số tiền là 74,5 tỷ đồng (bao gồm lãi phạt chậm trả trên lãi là 48,6 tỷ đồng và lãi phạt chậm trả trên gốc là 25,9 tỷ đồng lũy kế đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, thời điểm trước khi Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long được chuyển giao về Tổng Công ty). Công ty này cũng không ghi nhận chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2016 đối với các khoản vay từ Tổng Công ty Sông Đà. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long và Tổng Công ty đang chờ phê duyệt chính thức từ các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cho phép Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long không phải trả các khoản lãi nêu trên. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phò Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1



Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

2-001
TY
+ YOU
AM
ANH
DI
-TP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.825.914.991.215	8.980.979.940.008
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	2.331.133.740.446	3.134.410.039.462
111	1. Tiền		2.155.242.974.515	2.914.897.986.514
112	2. Các khoản tương đương tiền		175.890.765.931	219.512.052.948
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	640.168.127.089	158.298.797.113
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	10.776.291.414	10.776.291.414
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6.1	(3.370.013.814)	(3.587.354.414)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	632.761.849.489	151.109.860.113
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.472.762.901.289	1.627.601.111.687
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	1.160.378.114.400	1.419.645.877.107
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		298.247.569.063	154.405.193.692
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	5.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	120.062.054.919	127.147.023.546
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(109.583.863.113)	(81.022.865.924)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		3.659.026.020	2.425.883.266
140	IV. Hàng tồn kho	9	4.158.568.878.056	3.882.566.144.236
141	1. Hàng tồn kho		4.233.396.133.216	3.932.901.405.046
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(74.827.255.160)	(50.335.260.810)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		223.281.344.335	178.103.847.510
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	69.017.388.097	71.157.841.736
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		139.690.676.685	94.571.351.211
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	14.558.279.553	12.374.654.563
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		15.000.000	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		35.804.411.428.996	32.040.284.124.442
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		57.059.651.168	42.804.169.019
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	78.070.131.389	63.814.649.240
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(21.010.480.221)	(21.010.480.221)
220	II. Tài sản cố định		26.758.696.321.784	23.658.985.026.837
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	26.249.446.163.108	23.161.271.324.463
222	Nguyên giá		50.732.891.664.824	44.229.010.940.149
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(24.483.445.501.716)	(21.067.739.615.686)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	509.250.158.676	497.713.702.374
228	Nguyên giá		553.734.370.047	534.376.959.659
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(44.484.211.371)	(36.663.257.285)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		2.842.870.307.835	2.565.216.159.018
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		16.721.139	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	2.842.853.586.696	2.565.216.159.018
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	5.146.054.313.557	4.904.831.503.145
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.818.300.099.814	4.564.741.210.728
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		387.011.150.561	398.205.432.143
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(59.256.936.818)	(58.115.139.726)
260	V. Tài sản dài hạn khác		999.730.834.652	868.447.266.423
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	599.106.127.682	435.724.971.915
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	31.3	30.612.245.503	33.109.388.285
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		359.465.934.347	387.401.137.975
269	4. Lợi thế thương mại		10.546.527.120	12.211.768.248
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		44.630.326.420.211	41.021.264.064.450

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		25.162.629.150.946	21.096.015.580.341
310	I. Nợ ngắn hạn		16.015.373.514.215	12.537.862.113.480
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	2.559.603.469.495	2.690.357.172.338
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	280.363.864.168	199.837.827.664
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	354.714.347.287	419.564.374.051
314	4. Phải trả người lao động		551.240.324.706	538.197.591.543
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	516.113.086.996	358.572.106.795
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	139.094.619.135	107.080.731.763
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	533.775.464.445	187.460.573.386
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	10.793.846.458.837	7.799.025.197.115
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		26.546.173.459	31.689.342.022
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	260.075.705.687	206.077.196.803
330	II. Nợ dài hạn		9.147.255.636.731	8.558.153.466.861
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	447.575.201.691	2.197.595.140
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	8.215.765.667.149	8.185.131.146.311
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.3	441.149.926.752	339.025.367.838
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		42.764.841.139	31.799.357.572

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		19.467.697.269.265	19.925.248.484.109
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	19.460.132.015.798	19.917.856.871.400
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		13.005.964.974.843	12.360.202.074.843
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	1.549.506.421
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.296.312.729.530	134.997.399.635
416	4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(323.971.984.350)	(323.971.984.350)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		686.196.128.239	863.958.708.728
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		1.469.882.723.346	1.677.090.629.998
420	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		13.882.712.247	12.576.397.698
421	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.340.633.635.007	2.615.579.346.584
422	9. Nguồn vốn đầu tư XDCB		60.152.521.167	67.401.857.199
429	10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24	1.911.078.575.769	2.508.472.934.644
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		7.565.253.467	7.391.612.709
431	1. Nguồn kinh phí		839.235.325	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành thành TSCĐ		6.726.018.142	7.391.612.709
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		44.630.326.420.211	41.021.264.064.450

Nguyễn Lệ Hà

Phạm Đức Trung



Người lập
Nguyễn Lệ Hà

Kế toán trưởng
Phạm Đức Trung

Tổng Giám đốc
Trần Việt Thắng

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	27.143.711.736.907	24.939.344.692.804
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(614.841.636.225)	(470.750.257.185)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	26.528.870.100.682	24.468.594.435.619
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(20.609.931.751.534)	(18.782.941.901.325)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.918.938.349.148	5.685.652.534.294
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	222.223.542.298	282.678.810.803
22	7. Chi phí tài chính	28	(1.210.695.112.966)	(1.187.726.379.786)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.133.614.941.399)	(1.006.411.582.721)
24	8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết		836.682.159.676	479.597.337.536
25	9. Chi phí bán hàng	29	(1.209.356.261.513)	(1.093.075.652.190)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(1.143.892.127.893)	(1.229.693.163.924)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.413.900.548.750	2.937.433.486.733
31	12. Thu nhập khác		98.664.868.950	113.671.745.293
32	13. Chi phí khác		(34.019.061.820)	(48.592.558.428)
40	14. Lợi nhuận khác		64.645.807.130	65.079.186.865
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.478.546.355.880	3.002.512.673.598

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(431.338.914.444)	(510.065.225.118)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31.3	(114.754.085.423)	(142.264.896.166)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		2.932.453.356.013	2.350.182.552.314
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		2.564.018.467.497	2.029.071.227.581
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		368.434.888.516	321.111.324.733

Người lập
Nguyễn Lệ Hà

Kế toán trưởng
Phạm Đức Trung



Tổng Giám đốc
Trần Việt Thắng

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		3.478.546.355.880	3.002.512.673.598
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		2.156.748.072.098	1.961.104.541.234
03	Các khoản dự phòng		17.601.756.318	18.545.347.664
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(105.840.430.597)	(73.813.930.543)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(927.988.473.032)	(521.812.939.475)
06	Chi phí lãi vay	28	1.133.614.941.399	1.006.411.582.721
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.752.682.222.066	5.392.947.275.199
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		50.669.185.881	(158.105.149.963)
10	Tăng hàng tồn kho		(18.785.644.431)	(23.905.234.179)
11	Tăng các khoản phải trả		(21.287.823.844)	582.878.084.450
12	Tăng các khoản chi phí trả trước		(33.928.487.359)	(28.245.823.028)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	4.503.694.650
14	Tiền lãi vay đã trả		(791.061.125.994)	(1.083.973.443.174)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31.1	(511.228.342.649)	(430.782.651.569)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(249.890.681.104)	(162.415.055.996)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.177.169.302.566	4.092.901.696.390
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(701.515.567.010)	(816.829.041.443)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		44.144.030.778	16.303.889.430
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(699.651.989.376)	(246.793.915.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		90.000.000.000	335.144.815.825
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(15.270.000.000)	(4.219.556.630)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn đơn vị khác		1.293.948.294	172.972.832.774
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		430.325.817.266	276.776.454.800
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(850.673.760.048)	(266.644.520.244)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	7.671.186.000
33	Tiền thu từ đi vay		17.485.580.150.803	18.634.847.183.144
34	Tiền trả nợ gốc vay		(21.457.336.990.655)	(21.832.943.226.906)
36	Lợi nhuận chuyển về cho ngân sách Nhà nước		(167.447.937.828)	(12.523.145.968)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(4.139.204.777.680)	(3.202.948.003.730)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(812.709.235.162)	623.309.172.416
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	3.134.410.039.462	2.510.592.368.766
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		9.432.936.146	508.498.280
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	2.331.133.740.446	3.134.410.039.462

leha

Phạm Đức Trung



Người lập
Nguyễn Lệ Hà

Kế toán trưởng
Phạm Đức Trung

Tổng Giám đốc
Trần Việt Thắng

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty") là doanh nghiệp nhà nước, tiền thân là Tổng Công ty Xi măng Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 197/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ và được đổi tên thành Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 189/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 6 tháng 12 năm 2007.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đã được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên số 0100106320 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 7 năm 2011.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty là:

- ▶ sản xuất, kinh doanh xi măng, đá vôi, thạch cao, clinker và bao bì xi măng;
- ▶ khai thác nguyên liệu và phụ gia;
- ▶ đầu tư các dự án xây dựng;
- ▶ lập báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu kỹ thuật, thẩm tra dự án, giám sát thi công, thiết kế; và
- ▶ các hoạt động kinh doanh khác theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 15.443 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 14.791).

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc và các công ty con như sau:

Các đơn vị trực thuộc bao gồm các đơn vị hạch toán phụ thuộc và đơn vị hành chính sự nghiệp bao gồm:

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- ▶ Ban Quản lý Dự án Vicem;
- ▶ Ban Quản lý Dự án Nhà máy kết cấu bê tông – vật liệu xây dựng không nung Đông Hồi, Quỳnh Lưu, Nghệ An; và
- ▶ Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng (CCID).

Đơn vị sự nghiệp:

- ▶ Viện Công nghệ Xi măng Vicem.

Các công ty con là các công ty TNHH một thành viên mà Tổng Công ty sở hữu 100% vốn:

Tổng Công ty có các công ty con là các công ty TNHH một thành viên mà Tổng Công ty sở hữu 100% vốn bao gồm:

- ▶ Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng;
- ▶ Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch; và
- ▶ Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Các công ty con là các công ty cổ phần và TNHH khác:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có các công ty con là công ty cổ phần và một công ty con là công ty TNHH một thành viên được đầu tư gián tiếp như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết trong Hội đồng quản trị</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	73,15%	73,15%
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	79,51%	79,51%
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	70,96%	70,96%
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 (*)	79,84%	79,99%
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (*)	59,18%	61,21%
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	75,75%	75,75%
Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng	65,81%	65,81%
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng	59,64%	59,64%
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng Hải Phòng (**)	62,95%	62,95%
Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch (**)	53,86%	53,86%
Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng (*)	51,61%	51,61%
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên (**)	87,27%	87,27%
Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung (*) (***)	50,08%	50,08%
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long (Thuyết minh số 4)	56,18%	76,80%
Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long (*)	65,76%	65,76%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ (Thuyết minh số 4) (*)	65,76%	100%
	39,09%	50,90%

(*) Tổng Công ty nắm giữ trực tiếp và gián tiếp qua các công ty con của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên; Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1; Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng; Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn và Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long.

(**) Theo Quyết định 1013/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013 phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam giai đoạn 2013 - 2015, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án tái cơ cấu tài chính và các khoản đầu tư của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty sẽ phải thoái một phần vốn đầu tư và sẽ không nắm giữ cổ phần chi phối tại các công ty con này.

(***) Từ tháng 5 năm 2016, Công ty Cổ phần Xi măng Miền Trung đã tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh do phản ánh của người dân liên quan đến các vấn đề về môi trường. Công ty này đang trong quá trình phối hợp với UBND tỉnh Quảng Ngãi để tìm hướng giải quyết vấn đề liên quan đến nội dung này cũng như để hoạt động ổn định trong thời gian tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán được áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc, các công ty con là công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty sở hữu 100% vốn và các công ty con là các công ty cổ phần và công ty TNHH một thành viên khác cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tổng Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tổng Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty, các đơn vị trực thuộc và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị và các công ty con của Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn của chủ sở hữu của Tổng Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế.	-	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm, hàng hóa và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.	-	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng các lô đất được giao theo các hợp đồng thuê đất có thời hạn và các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 4 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	3 - 4 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50 năm
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí kiến thiết mỏ;
- ▶ Giá trị thương hiệu của công ty con; và
- ▶ Các chi phí khác.

Chi phí kiến thiết mỏ bao gồm các khoản mục chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản mỏ khai thác nguyên liệu và thể hiện số dư chưa phân bổ hết cho sản lượng khai thác còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của các mỏ đá vôi, sét.

Giá trị thương hiệu của công ty con của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai và Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 được xác định căn cứ theo các quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được ban hành bởi Bộ Xây dựng. Trước đây, các công ty con này đã ghi nhận giá trị thương hiệu là tài sản cố định vô hình và trích khấu hao trong vòng 20 năm bắt đầu từ ngày các công ty con chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Sau đó, theo quy định tại Thông tư 138/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2012 hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh (bao gồm giá trị thương hiệu) đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước, thời gian thực hiện phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh sẽ không quá 10 năm kể từ khi các công ty con chính thức trở thành công ty cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Tổng Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Thông thường, Tổng Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tổng Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cản trở vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào liên doanh

Khoản đầu tư của Tổng Công ty vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Tổng Công ty vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tổng Công ty trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trừ vào giá trị khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Tổng công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tổng công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng chi phí bảo hành

Dự phòng chi phí bảo hành là dự phòng chi phí bảo hành chung cho những trường hợp hàng hóa lỗi, hỏng, chưa được thông báo và/hoặc chưa được giải quyết tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Kể từ năm 2012, Tổng Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 180/2012/TT-BTC về xử lý tài chính khoản chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp. Theo hướng dẫn của Thông tư 180, toàn bộ số dư trợ cấp thôi việc phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được hạch toán tăng thu nhập khác trong năm 2012. Các khoản trợ cấp thôi việc chi trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí trong năm của Tổng Công ty khi thực tế phát sinh.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tổng Công ty (VND/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Chi phí lương

Chi phí lương trong năm tài chính 2016 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và các công ty con là công ty TNHH Một thành viên mà Tổng Công ty sở hữu 100% được trích và ghi nhận theo hướng dẫn tại Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 1 tháng 9 năm 2016 hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Chi phí lương của các công ty con là các công ty cổ phần được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên chi phí lương thực tế phát sinh theo các hợp đồng lao động đã ký kết.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tổng Công ty và/hoặc các công ty con mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được nộp về Ngân sách Nhà nước sau khi công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam trích lập các quỹ theo điều lệ của Tổng Công ty và theo các quy định của pháp luật hiện hành.

▶ **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.

▶ **Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào khối lượng dịch vụ đã hoàn thành.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tổng Công ty được xác lập.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

381)
CÓ
T
NST
VIỆ
CHI
HÀ
KIẾ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG VÀ SÁP NHẬP CÔNG TY CON TRONG NĂM

4.1. Nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long

Theo Văn bản số 33/VPCP-ĐMDN ngày 7 tháng 1 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ về việc tái cơ cấu Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý chủ trương chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng Công ty Sông Đà tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long về Tổng Công ty. Thực hiện theo chủ trương này, vào ngày 20 tháng 1 năm 2016, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 66/QĐ-BXD về việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng Công ty Sông Đà tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long về Tổng Công ty theo hình thức ghi tăng - ghi giảm vốn với số lượng cổ phần được chuyển giao là 64.576.290 cổ phần (645.762.900.000 đồng), tương ứng với 65,76% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long. Theo đó, Tổng Công ty đã chính thức trở thành công mẹ của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long kể từ ngày 22 tháng 2 năm 2016 sau khi Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long hoàn tất việc chuyển đổi và đăng ký cổ phần được chuyển giao cho Tổng Công ty.

Cũng trong giai đoạn chuyển giao nêu trên, vào ngày 14 tháng 10 năm 2015, Bộ Xây dựng đã gửi Tờ trình số 89/TTr-BXD trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt phương án tái cơ cấu Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long. Theo phương án này, Bộ Xây dựng đã đề xuất các phương án tái cơ cấu về tổ chức, về tiêu thụ, và đặc biệt là các khoản nợ vay ngắn và dài hạn thông qua việc kiến nghị cơ cấu lại các khoản nợ vay ngân hàng, vay từ Quỹ tích lũy Bộ Tài chính và vay đối tượng khác; giãn và hoãn thời gian trả nợ đối với các khoản nợ đã đến hạn phải trả; giảm lãi suất; và các hỗ trợ tài chính, cơ chế đặc thù khác cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang chờ phê duyệt chính thức từ các cơ quan quản lý Nhà nước liên quan đến phương án tái cơ cấu Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long như nêu trên.

4.2. Sáp nhập Công ty Cổ phần Đá xây dựng Hòa Phát và Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân

Trong năm 2016, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân, một công ty con của Tổng Công ty đã hoàn thành việc chào bán bổ sung cổ phiếu để hoán đổi với toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đá xây dựng Hòa Phát, một công ty con khác của Tổng Công ty với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu và theo tỷ lệ là 1:1. Vào ngày 21 tháng 6 năm 2016, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân đã gửi Công văn số 751/XMHV-TCKT tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo kết quả chào bán thành công 1.565.250 cổ phiếu ra công chúng để hoán đổi cổ phần.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân đã ký Biên bản nhận bàn giao toàn bộ tài sản, công nợ và người lao động từ Công ty Cổ phần Đá xây dựng Hòa Phát và hoàn tất giao dịch sáp nhập. Theo đó, Công ty Cổ phần Đá xây dựng Hòa Phát không còn tồn tại và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân đã giảm từ 76,55% xuống còn 75,75% kể từ ngày này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG VÀ SÁP NHẬP CÔNG TY CON TRONG NĂM (tiếp theo)

4.3 Góp vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ

Trong năm 2016, các công ty con của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 và Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên đã góp vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ với tỷ lệ sở hữu lần lượt là 45,9% và 5%. Bên cạnh đó, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 cũng đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục để mua thêm 19,1% quyền sở hữu trong Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị của công ty này vào ngày 9 tháng 11 năm 2016. Với việc nắm giữ tỷ lệ lợi ích của các công ty con của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ như nêu trên, công ty này đã trở thành công ty con được đầu tư gián tiếp của Tổng Công ty.

Công ty Bất động sản Trường Thọ là một doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam và theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0313888915 ngày 30 tháng 6 năm 2016 với hoạt động chính là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất, tư vấn, môi giới bất động sản. Trong năm 2016, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bất Động sản Trường Thọ không phát sinh doanh thu từ các hoạt động kinh doanh chính này.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
Tiền mặt	19.007.352.322	16.834.343.934
Tiền gửi ngân hàng	2.136.235.622.193	2.898.063.642.580
Các khoản tương đương tiền	175.890.765.931	219.512.052.948
TỔNG CỘNG	2.331.133.740.446	3.134.410.039.462

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND, EUR và USD không kỳ hạn hoặc có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất từ 1%/năm đến 5,5%/năm (năm 2015: từ 1%/năm đến 5,5%/năm).

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

	Đơn vị tính: VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7.632.180.000	6.271.069.550	(1.361.110.450)	7.632.180.000	5.752.524.300	(1.879.655.700)
Các cổ phiếu khác	3.144.111.414	1.135.208.050	(2.008.903.364)	3.144.111.414	1.436.412.700	(1.707.698.714)
TỔNG CỘNG	10.776.291.414	7.406.277.600	(3.370.013.814)	10.776.291.414	7.188.937.000	(3.587.354.414)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ủy thác quản lý vốn (i)	214.517.849.489	214.517.849.489	96.109.860.113	96.109.860.113
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	418.244.000.000	418.244.000.000	55.000.000.000	55.000.000.000
TỔNG CỘNG	632.761.849.489	632.761.849.489	151.109.860.113	151.109.860.113

- (i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND, có kỳ hạn trên ba tháng theo các hợp đồng ủy thác quản lý vốn được ký giữa các công ty con của Tổng Công ty và Công ty Tài chính Cổ phần Xi măng với mức lãi suất từ 5% đến 5,5%/năm.
- (ii) Bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng bằng VND, có kỳ hạn trên ba tháng và dưới một năm, hưởng lãi suất từ 5,5%/năm đến 6,7%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
	Dự án Giao thông Nông thôn của Thành phố Hải Phòng	91.074.427.260
Sở Tài chính Nghệ An (*)	148.501.593.926	-
Doanh nghiệp tư nhân Tân Xuân Anh	169.134.896.765	91.386.532.335
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng khác	737.114.623.129	1.092.455.683.882
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	14.552.573.320	41.358.903.440
TỔNG CỘNG	1.160.378.114.400	1.419.645.877.107
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(103.249.980.321)	(77.172.563.635)

- (*) Theo Biên bản thỏa thuận ngày 31 tháng 8 năm 2016 ký giữa Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai, Sở Tài chính tỉnh Nghệ An và Công ty TNHH Thành Luân, toàn bộ các khoản Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai phải thu Công ty TNHH Thành Luân liên quan tới việc cung ứng xi măng cho Dự án giao thông nông thôn được chuyển giao chủ thể nợ sang cho Sở Tài chính Nghệ An. Theo các Thông báo của Cục thuế tỉnh Nghệ An, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được phép hoãn trả thuế tương ứng với khoản nợ Sở Tài chính tỉnh Nghệ An chưa thanh toán đúng hạn cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm (trình bày lại)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Lãi dự thu	3.685.304.155	-	19.622.546.612	-
Thuế GTGT được khấu trừ chưa kê khai	10.018.014.153	-	17.005.341.261	-
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	16.171.912.094	-	14.893.354.919	-
Phải thu nhà nước về chi phí cổ phần hóa	9.139.203.218	-	9.049.283.218	-
Phải thu khác liên quan đến dự án Cam Ranh	7.334.735.671	-	7.481.954.056	-
Phải thu khác	73.712.885.628	(6.333.882.792)	59.094.543.480	(3.850.302.289)
TỔNG CỘNG	120.062.054.919	(6.333.882.792)	127.147.023.546	(3.850.302.289)
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên khác</i>	118.262.054.919	(6.333.882.792)	118.024.723.546	(3.850.302.289)
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)</i>	1.800.000.000	-	9.122.300.000	-
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược dài hạn	53.863.237.620	-	39.634.468.637	-
Phải thu về chi phí đầu tư vào đất của dự án Cảng Lèn (*)	19.112.246.560	(19.112.246.560)	19.112.246.560	(19.112.246.547)
Phải thu dài hạn khác	5.094.647.209	(1.898.233.661)	5.067.934.043	(1.898.233.674)
TỔNG CỘNG	78.070.131.389	(21.010.480.221)	63.814.649.240	(21.010.480.221)

(*) Đây là các khoản chi phí được đầu tư vào Dự án Cảng Lèn của Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn và được phân loại từ khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm 2015. Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn đánh giá rằng khả năng đơn vị có thể thu hồi các khoản mục chi phí này là thấp và đã thực hiện trích lập dự phòng với giá trị bằng tổng chi phí đã phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.909.364.586.908	(35.955.522.056)	1.771.714.504.262	(36.080.957.311)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	904.188.722.129	(1.892.835.790)	883.341.484.111	-
Thành phẩm	679.245.333.451	-	490.355.970.813	-
Vật tư và phụ tùng, linh kiện thay thế	458.186.146.496	(34.995.161.430)	451.473.375.552	(13.998.677.631)
Công cụ, dụng cụ	157.106.238.149	(1.983.735.884)	116.568.429.211	-
Hàng đang đi trên đường	59.820.695.030	-	85.957.513.220	-
Hàng gửi đi bán	59.517.088.050	-	120.624.294.863	-
Hàng hóa	5.967.323.003	-	12.865.833.014	(255.625.868)
TỔNG CỘNG	4.233.396.133.216	(74.827.255.160)	3.932.901.405.046	(50.335.260.810)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm trước (Trình bày lại)	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Số đầu năm	50.335.260.810	74.442.134.423
Cộng: Tăng do hợp nhất (Thuyết minh số 4.1)	14.673.154.729	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	61.097.937.041	19.705.783.227
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(51.279.097.420)	(43.812.656.840)
Số cuối năm	<u>74.827.255.160</u>	<u>50.335.260.810</u>

02-0
 TỶ
 H
 YOI
 NAM
 ANH
 GI
 T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	12.741.412.218.752	28.284.632.099.719	2.093.012.445.404	140.030.933.119	969.923.243.155	44.229.010.940.149
- Mua trong năm	40.628.516.808	79.938.603.259	14.365.202.323	22.331.755.081	573.500.893	157.837.578.364
- Đầu tư XDCB hoàn thành	142.995.681.546	111.515.446.191	10.504.705.495	-	4.456.767.002	269.472.600.234
- Thay đổi nguyên giá do quyết toán đầu tư xây dựng cơ bản	7.660.947.723	(2.916.875.309)	(1.984.589.668)	(11.597.690)	(894.041.564)	1.853.843.492
- Tăng do hợp nhất (Thuyết minh số 4)	2.803.801.408.979	3.491.812.994.022	38.271.410.897	1.215.950.360	-	6.335.101.764.258
- Thanh lý, nhượng bán	(35.694.641.442)	(186.792.103.986)	(29.779.783.477)	(5.197.367.414)	(86.425.600)	(257.550.321.919)
- Giảm khác	(1.414.485.654)	(1.356.728.100)	-	(63.526.000)	-	(2.834.739.754)
Số dư cuối năm	15.699.389.646.712	31.776.833.435.796	2.124.389.390.974	158.306.147.456	973.973.043.886	50.732.891.664.824
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	1.416.519.963.972	4.108.682.658.846	1.263.441.235.375	57.327.230.018	37.478.657.030	6.883.449.745.241
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	4.477.766.323.285	14.609.282.382.181	1.687.716.538.542	92.576.337.095	200.398.034.583	21.067.739.615.686
- Khấu hao trong năm	506.129.271.174	1.494.680.968.442	92.972.706.277	14.994.524.471	38.379.143.190	2.147.156.613.554
- Tăng do hợp nhất (Thuyết minh số 4)	424.266.629.390	1.073.846.112.436	24.790.471.115	1.089.351.014	-	1.523.992.563.955
- Thanh lý, nhượng bán	(33.881.092.409)	(186.732.356.922)	(29.105.832.051)	(5.197.367.414)	(86.425.600)	(255.003.074.396)
- Giảm khác	(66.962.677)	(347.465.942)	-	(25.788.464)	-	(440.217.083)
Số dư cuối năm	5.374.214.168.763	16.990.729.640.195	1.776.373.883.883	103.437.056.702	238.690.752.173	24.483.445.501.716
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	8.263.645.895.467	13.675.349.717.538	405.295.906.862	47.454.596.024	769.525.208.572	23.161.271.324.463
Số dư cuối năm	10.325.175.477.949	14.786.103.795.601	348.015.507.091	54.869.090.754	735.282.291.713	26.249.446.163.108

Tổng Công ty và các công ty con đã sử dụng các tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem Thuyết minh số 21).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
	<i>Quyền sử dụng đất có thời hạn</i>	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài (*)</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	105.905.878.742	382.933.064.348	26.387.192.507	19.150.824.062	534.376.959.659
- Mua trong năm	-	850.000.000	14.045.340.400	4.588.999.988	19.484.340.388
- Tăng do hợp nhất	-	-	190.000.000	-	190.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	(180.000.000)	-	-	(180.000.000)
- Giảm khác	-	-	(136.930.000)	-	(136.930.000)
Số dư cuối năm	105.905.878.742	383.603.064.348	40.485.602.907	23.739.824.050	553.734.370.047
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	5.540.996.507	-	20.451.437.027	10.670.823.751	36.663.257.285
- Khấu hao trong năm	606.156.490	-	4.305.010.061	3.015.050.865	7.926.217.416
- Tăng do hợp nhất	-	-	31.666.670	-	31.666.670
- Giảm khác	-	-	(136.930.000)	-	(136.930.000)
Số dư cuối năm	6.147.152.997	-	24.651.183.758	13.685.874.616	44.484.211.371
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm (Trình bày lại)	100.364.882.235	382.933.064.348	5.935.755.480	8.480.000.311	497.713.702.374
Số dư cuối năm	99.758.725.745	383.603.064.348	15.834.419.149	10.053.949.434	509.250.158.676

(*) Bao gồm giá trị quyền sử dụng đất được giao trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 1 tháng 11 năm 2010 tại Khu đô thị mới Cầu Giấy, xã Mỹ Trì, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội với số tiền là 374.116.278.348 đồng Việt Nam và được dùng để thế chấp cho khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 21. Tổng Công ty chưa thực hiện trích hao mòn giá trị quyền sử dụng đất do toàn bộ khu đất này hiện đang được sử dụng cho mục đích xây dựng Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm (Trình bày lại)</i>
Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem (i)	763.629.782.675	714.975.478.784
Dự án đường bộ B.O.T Phú Hữu	505.475.308.617	440.963.414.668
Dự án tòa nhà Nhân Chính	407.081.161.030	287.309.080.027
Các dự án tại Bình Phước	287.806.418.115	346.054.411.649
Các dự án tại Kiên Lương	186.594.467.859	166.875.278.856
Dự án Khu đô thị Xi măng Hải Phòng (ii)	125.192.137.038	124.980.486.129
Dự án mỏ Áng Rong	97.406.614.957	94.336.974.774
Dự án Xây dựng Khu tổng hợp Vĩnh Tuy (iii)	60.081.866.273	60.081.866.273
Dự án Nhà máy kết cấu bê tông – vật liệu xây dựng không nung (iv)	42.584.161.535	35.432.712.355
Dự án mỏ đá sét Ba Sao	32.253.575.409	11.602.383.809
Chi phí tư vấn, thăm dò mỏ Ngà Voi	29.653.702.984	12.793.749.532
Dự án phần mềm hệ thống quản lý doanh nghiệp Oracle	18.530.758.354	18.230.758.354
Dự án Hoàng Mai II	14.172.667.931	14.172.667.931
Dự án mỏ Tam Diên	17.690.072.938	17.690.073.938
Dự án mở rộng mỏ Áng Dầu	7.978.897.462	7.829.278.449
Dự án Cảng xuất nhập đá tại Hải Dương	-	50.746.370.341
Các dự án, công trình khác	246.721.993.519	161.141.173.149
TỔNG CỘNG	<u>2.842.853.586.696</u>	<u>2.565.216.159.018</u>

(i) Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem được triển khai theo Quyết định phê duyệt số 2208/QĐ-XMVN ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty và Giấy Chứng nhận đầu tư số 01121000884 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành ngày 20 tháng 9 năm 2010 với tổng mức đầu tư dự kiến là 1.482 tỷ đồng. Tuy nhiên, để thực hiện đúng theo ý kiến chỉ đạo chung của Chính phủ về việc thoái vốn đầu tư đối với các lĩnh vực ngoài ngành cũng như tập trung nguồn lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính, vào ngày 2 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã gửi Văn bản số 398/VICEM-HĐTV đến Bộ Xây Dựng để báo cáo và xin ý kiến về việc:

- Tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng toàn bộ dự án Trung tâm điều hành và giao dịch Vicem; và
- Thuê hoặc mua lại một phần diện tích tòa nhà của dự án để làm trụ sở văn phòng mới của Tổng Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, chủ trương về chuyển nhượng Dự án Trung tâm Điều hành và Giao dịch Vicem đang được xem xét và phê duyệt bởi các cơ quan quản lý Nhà nước.

(ii) Theo Thông báo số 72/TB-VPCP do Văn phòng Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 3 năm 2015 thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về Dự án Khu đô thị Xi măng Hải Phòng hiện đang được Tổng Công ty giao cho Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng, một công ty con của Tổng Công ty thực hiện triển khai, Chính phủ đã thống nhất chủ trương về việc Tổng Công ty không tiếp tục thực hiện Dự án Khu Đô thị Xi măng Hải Phòng và bàn giao lại khu đất của Dự án này cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng trong tháng 3 năm 2015. Ngoài ra, Tổng Công ty cũng sẽ được hoàn trả các khoản chi phí đã chi trả trong quá trình thực hiện và triển khai Dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng đã bàn giao 522.655,1 m² đất của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hải Phòng. Tuy nhiên, Tổng Công ty, Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng vẫn đang tiếp tục làm việc và thống nhất với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc hoàn trả các chi phí đã được đầu tư cho dự án.